TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng

2. Ông Lê Kim Lịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thông là Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1997; trú tại: Số 771, ấp B, xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đức N, sinh năm 1986; trú tại: Số 173, khóm B, TT. V, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Mỹ T trình bày:

Chị T và anh N tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào đầu năm 2017 đến ngày 08 tháng 5 năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V. Chị T và anh N sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N tự ý lấy vàng cưới của vợ chồng đưa cho mẹ anh N giữ mà không nói với Chị T, anh N không cho Chị T nhập hộ khẩu về nhà anh N, sau khi sinh con anh N nói Chị T không cho con bú bằng sữa mẹ nhưng thật ra T vẫn cho con

bú bằng sữa mẹ, thường ngày anh N hay uống rượu bia về trễ không quan tâm vợ con, từ đó dẫn đến việc vợ chồng sống không hạnh phúc Chị T và anh N đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay mẹ anh N có đến gặp gia đình Chị T một lần để yêu cầu hàn gắn đoàn tụ nhưng Chị T không đồng ý, riêng anh N không có thiện chí gì để vợ chồng đoàn tụ, Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống Chị T và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/3/2018 hiện đang do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con một lần với số tiền 204.000.000 đồng. Tại phiên tòa Chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài chia tài sản: Quá trình chung sống Chị T và anh N có tài sản chung là 40 chỉ vàng 24k, số vàng này anh N đã bán được 134.000.000đ số tiền bán vàng này hiện anh N đang giữa. Nay Chị T yêu cầu anh N chia đôi tài sản chung Chị T yêu cầu anh N giao lại cho Chị T ½ giá trị tài sản chung là: 67.000.000 đồng . Đối với cái tủ áo Chị T và anh N tự thỏa thuận Chị T được sở hữu và Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thành Đức N trình bày: Chị T và anh N tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào đầu năm 2017, đến ngày 08 tháng 5 năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V. Anh N và Chị T sống chung với nhau không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, không phải như T trình bày, vì tủ đựng đồ của hai vợ chồng khóa không cẩn thận rất đơn sơ nên anh N mang vàng cưới cho mẹ anh N cất giữ hộ mà không nói với T, sau đó do T nói bán vàng để gửi ngân hàng lấy lãi nên anh N mới yêu cầu mẹ anh N bán được 134.000.000đ; anh N có uống rượu bia nhưng không thường xuyên như T trình bày mà vẫn lo cho T chu đáo, do chủ hộ là cô của anh N nhưng cô anh N đi Sài Gòn không có ở địa phương nên không làm thủ tục nhập hộ khẩu cho T được, trong quá trình sống chung Chị T thường sử dụng điện thoại riêng bất thường, không tập trung nuôi con. Ngoài ra T còn có ý định lấy tiền bán vàng cưới để cho cha mẹ ruột làm ăn mua bàn, anh N và Chị T ly thân từ ngày 23/11/2018 đến nay do T tự ý bỏ đi không khóa cửa nhà, khi đi T bỏ con lại nhà anh N không có người trông coi, sau đó 02 ngày thì người nhà bên T mới qua chở con về. Sau khi ly thân thì mẹ ruột anh N có đến gặp gia đình Chị T để hàn gắn đoàn tụ với T nhưng bên gia đình T không đồng ý, anh N không có đến gặp Chị T để tìm giải pháp hàn gắn đoàn tụ mà chỉ chạy xe bên ngoài nhìn con. Nay anh N không đồng ý ly hôn với Chị T.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/3/2018 hiện đang do T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa chấp nhận cho T ly hôn thì anh N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu T cấp dưỡng nuôi con do T không có thu nhập ổn định.

- Về tài chia tài sản: Có 40 chỉ vàng 24k (9999) là vàng cưới, mẹ anh N đã bán cho tiệm vàng Thanh Sơn với số tiền 134.000.000 đồng, sau đó gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Sa Đéc do Nguyễn Kiều Trúc L đứng chủ tài khoản, nhưng hiện nay anh N đã nhận lại số tiền này và đang lý số tiền này.

Nếu Tòa chấp nhận cho T ly hôn thì anh N đồng ý chia đôi giá trị tài sản mỗi người ½ giá trị là 67.000.000 đồng. Đối với cái tủ áo thì anh N đồng ý cho T sở hữu không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T với những chứng cứ sau: Chị T và anh N mâu thuẫn trầm trọng, thời gian sống ly thân cả hai không có giải pháp nào hàn gắn đoàn tụ, con chung hiện dưới 36 tháng tuổi về nguyên tắc Luật quy định phải giao cho mẹ nuôi. Tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận chia đôi, hai bên đương sự cùng trình bày là không có nộ chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị T ly hôn với anh N, giao con chung cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở do Nha nước quy định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; vệ tài sản chung buộc anh N giao lại cho Chị T số tiền 67.000.000 đồng; về nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Luật sư và kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Huỳnh Thị Mỹ T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với anh Nguyễn Thành Đức N nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Thẩm quyền: Do anh N là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại Thị trấn V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân Thị trấn V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Thành Đức N đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị T và anh N đã có thời gian sống chung hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung là cháu Anh Thư, Chị T cho rằng giữa Chị T và anh N thường xảy ra cãi nhau, anh N tự ý lấy vàng cưới đưa cho mẹ anh N bán mà không cho Chị T hay, anh N và Chị T không tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh N cho rằng Chị T thường sử dụng điện thoại riêng bất thường, Chị T không tập trung nuôi con, tự ý bỏ nhà đi… Chị T cho rằng anh N tự ý mang vàng cưới đi bán mà không bàn bạc với Chị T, Trong việc nuôi dưỡng con Chị T vẫn cho con bú bằng sử mẹ bình thường không phải như lời anh N trình bày, hiện nay Chị T không còn tình cảm với anh N và đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay Chị T xin ly hôn, anh N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn việc anh N đưa vàng cưới cho mẹ ruột giữ và bán không có nói với Chị T là có vì tủ của vợ chồng không chắc nên anh N mới lấy vàng đưa mẹ ruột giữ, trong thời gian chung sống anh N cho rằng Chị T thường sử dụng điện thoại riêng bất thường, anh N cũng có đi nhậu nhưng không thường xuyên như T trình bày mà vẫn lo cho vợ con. Nay anh N không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải tin tưởng lẫn nhau, Chị T và anh N quá trình chung sống anh N không tin tưởng Chị T về tình cảm, việc quản lý tài sản chung anh N cũng tự ý làm theo ý mình mà không thông qua ý kiến của Chị T, ngoài ra Chị T và anh N còn mâu thuẫn về việc chăm sóc con chung, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2018 đến nay anh N yêu cầu đoàn tụ nhưng anh N cũng không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ, sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải cho Chị T và anh N hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Từ những phân tích trên cho thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh N đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống Chị T và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 23/11/2018. Từ khi Chị T và anh N ly thân đến nay, thì Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Chị T vẫn chăm sóc chu đáo, nên cháu Anh Thư vẫn phát triển bình thường về thể chất và tình thần, đã thắt chặt tình cảm mẹ con với nhau, hơn nữa cháu Anh Thư sinh ngày 30/3/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi về nguyên tắc phải giao cho mẹ nuôi dưỡng, vì vậy việc Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi tên Nguyễn Ngọc Anh T1 là có căn cứ phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận.Việc anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi con là không có căn cứ không được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con một lần đến 18 tuổi với số tiền 204.000.000 đồng nhưng anh N không đồng ý. Tại phiên tòa Chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật, anh N cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nếu Hội đồng xét xử giao con cho T trực tiếp nuôi, Xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của Chị T và đồng ý cấp dưỡng nuôi con của anh N là có căn cứ bởi theo quy định của pháp luật sau ly hôn người không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là phù hợp với Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau ly hôn, anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Chị T cùng các thành viên gia đình của Chị T không ai được cản trở anh N trong việc thực hiện quyền này.

[4] Về chia tài sản: Quá trình chung sống anh N và Chị T có tài sản chung là 40 chỉ vàng 24k (9999) anh N thừa nhận đã bán được 134.000.000 đồng và hiện nay anh N đang quản lý và Chị T cũng đồng ý việc anh N bán vàng là 134.000.000đ. Chị T yêu cầu chia đôi giá trị số vàng vàng này và anh N cũng đồng ý. Xét sự tự nguyện của các đương sự là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh N có nghĩa vụ giao cho Chị T số tiền 67.000.000 đồng tương đương ½ giá trị vàng cưới.

[5] Về nợ chung: Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét phán quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình và án phí về tài sản theo luật định. Anh N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con và án phí về tài sản theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ T. Chị Huỳnh Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đức N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 30/3/2018 cho chị Huỳnh Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Thành Đức N cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1 mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2019 đến khi Nguyễn Ngọc Anh T1 đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Mỹ T cùng các thành viên gia đình Chị T không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T1.

3. Về chia tài sản: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị Mỹ T và anh Nguyễn Thành Đức N: Anh Nguyễn Thành Đức N được sở hữu 67.000.000đ hiện anh N đang giữ, chị Huỳnh Thị Mỹ T được quyền sở hữu 67.000.000đ số tiền này anh N đang giữ, anh N có nghĩa vụ giao lại cho chị Huỳnh Thị Mỹ T 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng).

5. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 1.675.000đ án phí về tài sản được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.125.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2017/0007081 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị Huỳnh Thị Mỹ T được nhận lại 150.000đ.

Anh Nguyễn Thành Đức N phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con và 1.675.000đ án phí về tài sản. Tổng số tiền án phí mà anh N phải nộp là 1.975.000đ.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy